**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN CHỢ GẠO**
**TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **413**/2024/HN-ST
Ngày: 06/09/2024
*V/v "Xin ly hôn"*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phan Thị Cẩm Tiên.
*Các Hội thẩm nhân dân*:
+ Ông Nguyễn Văn Ba
+ Ông Phạm Thế Tụng

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Huyền Trân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo không tham gia phiên tòa.*

Ngày 06 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 355/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 về việc *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn Đ – sinh năm: 1974; (có mặt)

Địa chỉ: ấp HM, xã BN, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B– sinh năm 1976; (có mặt)

Địa chỉ: ấp HM, xã BN, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn ông Trần Văn Đ trình bày: ông và bà Bsống chung năm 1994, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ông và bà Bly thân từ tháng 07/2021 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn và không thể hàn gắn nên ông yêu cầu ly hôn với bà Bốn.

- Về con chung: có 02 con chung tên Trần Kim N, sinh ngày 27/01/1995 và Trần Thị Kim N1, sinh ngày 27/12/2000, đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Btrình bày: bà và ông Đ sống chung năm 1994, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu và sau này, bà

và ông Đ phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nay ông Đ yêu cầu ly hôn, bà đồng ý.

- Về con chung: có 02 con chung tên Trần Kim N, sinh ngày 27/01/1995 và Trần Thị Kim N1, sinh ngày 27/12/2000, đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: không yêu cầu giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị Bsống chung năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của ông bà không được pháp luật thừa nhận. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Bxin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Btheo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét đơn yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về tình cảm: ông Đ yêu cầu ly hôn với bà Bốn. Nguyên nhân ly hôn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ông Đ và bà Bđã ly thân từ năm 2021 đến nay. Xét thấy trong thời gian ly thân, cả hai không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm với nhau, chứng tỏ trong cuộc sống, ông bà đã có mâu thuẫn xảy ra. Bà Bcũng đồng ý ly hôn với ông Đ nhưng vì ông bà không có đăng ký kết hôn nên không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đ mà tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị Btheo quy định tại khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: có 02 con chung tên Trần Kim N, sinh ngày 27/01/1995 và Trần Thị Kim N1, sinh ngày 27/12/2000, hiện đã trưởng thành, ông Đ, bà Bkhông yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: ông Đ, bà Btrình bày không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: ông Đ phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 14, Điều 51 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn Đ.

- Về tình cảm: Tuyên bố ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị Bkhông phải là vợ chồng.

- Về con chung: có 02 con chung tên Trần Kim N, sinh ngày 27/01/1995 và Trần Thị Kim N1, sinh ngày 27/12/2000, hiện đã trưởng thành.

- Về án phí: Ông Trần Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007802 ngày 19/07/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo nên ông đã nộp xong án phí.

- Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã BN;
- Ñöông söï;
- Löu hoà sô, án văn;

**Phan Thị Cẩm Tiên**